

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH DỊCH VỤ VÀ CUNG CẤP NÔNG SẢN VÂN NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH DỊCH VỤ VÀ CUNG CẤP NÔNG SẢN VÂN NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VAN NAM AGRICULTURAL PRODUCT SUPPLY AND SERVICE TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VAN NAM AGRICULTURAL PRODUCT

2. Mã số doanh nghiệp: 0110627026

3. Ngày thành lập: 20/02/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đống Óc, Thôn Trần Phú, Xã Minh Cường, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0338739938

Fax:

Email: Phannam@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác - Bán buôn hoa và cây - Bán buôn động vật sống - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn thức phẩm khác	4632

9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; – Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cắt chữ T, ống cao su,...	4663
10.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
11.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
12.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
13.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
14.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
15.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
16.	Chăn nuôi gia cầm	0146
17.	Chăn nuôi khác	0149
18.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
19.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
20.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
21.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
22.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
23.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
24.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
25.	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Chăn nuôi cá nước ngọt, cá giống, cá chuối hoa,...	0322(Chính)
26.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
28.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
29.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
31.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690

32.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ hoạt động đấu giá)	4711
33.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4719
34.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4721
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4722
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4723
37.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại nhà nước cấm)	4724
38.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác cát đá hàm mỏ (không hoạt động tại trụ sở) (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan. Phạm vi hoạt động kinh doanh thực hiện theo Giấy phép hoạt động của Cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có))	0810
39.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống) (trừ giết mổ gia súc, gia cầm)	1010
40.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1020
41.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
42.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4781
43.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
44.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định trong nội thành	4921
45.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
46.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929

47.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)	4931
48.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
50.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển	5011
51.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
52.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng đường thủy nội địa	5021
53.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
54.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
55.	Bốc xếp hàng hóa	5224
56.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
57.	Xây dựng nhà để ở	4101
58.	Xây dựng nhà không để ở	4102
59.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
60.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
61.	Xây dựng công trình điện	4221
62.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
63.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
64.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
65.	Xây dựng công trình thủy	4291
66.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
67.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
68.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
69.	Phá dỡ (trừ nổ mìn)	4311
70.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và hoạt động khác tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312

71.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
72.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

6. **Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 50.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM THỊ LUẬN	Thôn Phú Nhiêu, Xã Quang Trung, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500	25.000.000	5,000	001155028419	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.500	25.000.000	5,000		

2	PHAN THANH NAM	Thôn Phú Nhiêu, Xã Quang Trung, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	90,000	001079042921
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	45.000	450.000.000	90,000	
3	PHAN VĂN PHẢI	Thôn Phú Nhiêu, Xã Quang Trung, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500	25.000.000	5,000	001054002788
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.500	25.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN THANH NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/12/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001079042921

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Phú Nhiêu, Xã Quang Trung, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phú Nhiêu, Xã Quang Trung, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội